

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 21/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 908/TTr-STP ngày 24/10/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến giáo, dục pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Mường Lát, Thạch Thành, Hậu Lộc, Yên Định, Lang Chánh, thành phố Thanh Hóa, thị

xã Nghi Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Văn Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

BỘ TIÊU CHÍ RIÊNG ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM
HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PBGDPL TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. BỘ TIÊU CHÍ RIÊNG ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)

1. Mục đích, yêu cầu

- Làm căn cứ cho các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn làm thí điểm thực hiện việc đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.
- Tăng cường hiệu quả công tác PBGDPL, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.
- Xác định phương pháp, cách thức đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL khoa học, khả thi, linh hoạt phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của từng hoạt động PBGDPL, bảo đảm khả năng lượng hóa trên cơ sở so sánh kết quả dự kiến với kết quả thực tế đạt được trong từng hoạt động PBGDPL.
- Các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn làm thí điểm bám sát các nội dung tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” và Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL và nội dung của Quyết định này để thực hiện.

2. Đối tượng, lĩnh vực, địa bàn, phạm vi, thời gian thí điểm

2.1. Đối tượng, lĩnh vực và địa bàn được lựa chọn thí điểm

- Ban Dân tộc tỉnh đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về “Thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông” tại địa bàn xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục I).
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện thí điểm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực Lao động - Việc làm đối với Công ty TNHH lớp COFO Việt Nam, Địa chỉ: Lô CN13, CN14 khu B - KCN Bim Sơn, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện đánh giá theo Phụ lục I).
- Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Tỷ lệ hộ gia đình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục I).

- UBND huyện Mường Lát đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong công tác trợ giúp pháp lý” cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục II).

- UBND thành phố Thanh Hóa đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống ma túy cho người dân trên địa bàn phường Đông Hương (thực hiện theo Phụ lục II).

- UBND huyện Thạch Thành đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Hôn nhân và gia đình đến Nhân dân trên địa bàn xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục II).

- UBND huyện Yên Định đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về “Pháp luật học đường cho Học sinh bậc Trung học cơ sở và Tiểu học trên địa bàn xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục II).

- UBND huyện Lang Chánh đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực Hộ tịch cho người dân trên địa bàn xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục II).

- UBND huyện Hậu Lộc đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Hòa giải ở cơ sở cho Hòa giải viên và Nhân dân trên địa bàn xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục II).

- UBND thị xã Nghi Sơn đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về An ninh trật tự cho Đoàn thanh niên trên địa bàn xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo Phụ lục II).

2.2. Phạm vi nội dung thí điểm áp dụng

Bộ Tiêu chí riêng được áp dụng để đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL thông qua 02 nội dung: (1) Chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về công tác PBGDPL; (2) Kết quả đầu ra của hoạt động PBGDPL cụ thể.

2.3. Thời gian thí điểm

Thời gian thí điểm theo thời gian thực hiện Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” được phê duyệt theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kết cấu Bộ Tiêu chí riêng

Bộ Tiêu chí riêng đánh giá được thực hiện theo 02 Phụ lục và được áp dụng cho các sở, ngành, địa phương theo quy định tại điểm 2.1, mục 2 phần I, gồm các nhóm tiêu chí sau đây:

- Nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về PBGDPL. Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở lượng hóa mức độ hoàn thành các trách nhiệm quản lý nhà nước của sở, ban, ngành và địa phương. Theo quy định của Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, tập trung đánh giá chất lượng triển khai 06 nhóm nhiệm vụ cơ bản sau:

(1) Việc lập, xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong năm công tác.

(2) Việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

(3) Việc bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện Kế hoạch.

(4) Việc bảo đảm nguồn lực kinh phí thực hiện Kế hoạch.

(5) Xã hội hóa công tác PBGDPL.

(6) Việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong công tác PBGDPL.

- Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL cụ thể. Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở lượng hóa mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL cụ thể do các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn thí điểm tổ chức thực hiện; mức độ tác động của chúng tới nhận thức của các đối tượng thụ hưởng và/hoặc tới chất lượng tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

4. Đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL theo Bộ Tiêu chí riêng

4.1. Về phân bố điểm

- Nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về PBGDPL của sở, ban, ngành và địa phương thí điểm: Điểm số tối đa là 45 điểm.

- Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL cụ thể: Điểm số tối đa là 55 điểm.

4.2. Về quy trình đánh giá

Việc đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL được thực hiện theo quy trình 03 bước, như sau:

- Bước 1: Các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn thí điểm tự đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá về Tổ Thư ký trước ngày 15/01/2026.

- Bước 2: Tổ Thư ký tổng hợp báo cáo kết quả tự đánh giá của các đơn vị, địa phương được thí điểm và tiến hành khảo sát độc lập bằng hình thức phù hợp (Tọa đàm, hội thảo, khảo sát...); báo cáo Tổ Đánh giá trước ngày 15/3/2026.

- Bước 3: Trên cơ sở kết quả tổng hợp, Tổ Đánh giá thực hiện đánh giá và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp trước ngày 15/4/2026.

4.3. Thời điểm đánh giá

- Các nhiệm vụ đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL sẽ được triển khai ngay sau khi Bộ Tiêu chí riêng được ban hành.

- Mốc thời gian đánh giá, lấy số liệu tính từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025.

4.4. Tài liệu kiểm chứng

Các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn làm thí điểm xác định các nguồn thông tin, tài liệu kiểm chứng theo hướng dẫn tại các Phụ lục kèm theo quyết định này tương ứng với từng đơn vị.

4.5. Về sử dụng kết quả đánh giá

Kết quả đánh giá của các sở, ban, ngành, địa phương được thí điểm là cơ sở để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế, đề xuất giải pháp trong hoạt động quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương mình.

Căn cứ kết quả đánh giá và đề xuất của các đơn vị, địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và thực hiện nhiệm vụ, đồng thời báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

4.6. Phương pháp đánh giá

Các đơn vị, địa phương áp dụng phương pháp so sánh, tổng hợp, thống kê, khảo sát, điều tra xã hội học... thông qua tài liệu kiểm chứng và báo cáo của các đơn vị có liên quan (nếu có) để đánh giá kết quả triển khai. Tùy từng phương pháp, các đơn vị chủ động lựa chọn thời điểm đánh giá (trước, trong hoặc sau hoạt động PBGDPL) cho phù hợp.

4.7. Tổ Đánh giá và Tổ Thư ký

- Tổ Đánh giá gồm:

+ Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh (gọi tắt là Hội đồng) - Tổ trưởng Tổ Đánh giá.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng thuộc các đơn vị: UBMTTQ tỉnh, Sở Tư pháp - Tổ phó Tổ Đánh giá.

+ Các ủy viên của Hội đồng thuộc các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh - Thành viên Tổ Đánh giá.

+ Chủ tịch HĐPHPBGDPL các đơn vị: Mường Lát, Thạch Thành, Hậu Lộc, Yên Định, Lang Chánh, thành phố Thanh Hóa, thị xã Nghi Sơn - Thành viên Tổ Đánh giá.

- Tổ Thư ký gồm các đồng chí là thành viên Tổ Thư ký Hội đồng thuộc các đơn vị: Sở Tư pháp; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh (Tổ Thư ký Hội đồng thuộc Sở Tư pháp là bộ phận Thường trực).

- Tổ Đánh giá và Tổ Thư ký hoạt động theo cơ chế vụ việc và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ của Tổ Đánh giá và Tổ Thư ký.

+ Tổ Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo triển khai và đánh giá kết quả thực hiện thi điểm Bộ Tiêu chí riêng đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Tổ Thư ký tham mưu cho Tổ Đánh giá triển khai Bộ Tiêu chí riêng, tổng hợp kết quả báo cáo Tổ Đánh giá.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh

- Chỉ đạo, triển khai đánh giá kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá thi điểm hiệu quả công tác PBGDPL.

- Giao các Thành viên Hội đồng thực hiện nhiệm vụ đánh giá kết quả việc thực hiện Bộ Tiêu chí với vai trò là thành viên Tổ Đánh giá và Tổ Thư ký.

2. Sở Tư pháp

Sở Tư pháp là cơ quan Thường trực thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương được thí điểm và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá hiệu quả PBGDPL.

- Là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng văn bản, tài liệu hướng dẫn quy trình đánh giá. Xây dựng mẫu Phiếu khảo sát và tiến hành khảo sát độc lập để lấy kết quả đối sánh. Giám sát, phân biện; kết quả tự đánh giá của các đơn vị được chọn làm thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL.

- Trong quá trình thí điểm, Sở Tư pháp thực hiện tập huấn, tọa đàm, hội thảo, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL cho các sở, ban, ngành, địa phương thí điểm và ngoài phạm vi thí điểm (nếu cần thiết).

- Làm đầu mối tiếp nhận, tham mưu tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của các sở, ban, ngành và địa phương được chọn làm thí điểm trong quá trình triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí; tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Bộ Tiêu chí trong quá trình thí điểm đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL (nếu có).

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL theo Bộ Tiêu chí tại các sở, ban, ngành, địa phương thuộc phạm vi thí điểm.

- Lưu trữ và tổng hợp kết quả đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL tại các sở, ban, ngành, địa phương được chọn làm thí điểm.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện tổng kết, đề tổ chức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thí điểm đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn thí điểm

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL theo Quyết định này; tiến hành khảo sát tổng hợp kết quả đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL; kịp thời thông tin những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện thí điểm đánh giá theo các quy định trong Quyết định này làm cơ sở cho UBND tỉnh nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung; gửi báo cáo kết quả đánh giá về UBND tỉnh (Sở Tư pháp) theo đúng thời hạn quy định trong Quyết định.

- Sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL để chỉ đạo, thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng quản lý nhà nước và tổ chức triển khai hoạt động PBGDPL cụ thể đi vào thực chất, phù hợp với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức thông tin, truyền thông việc triển khai và kết quả đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL do sở, ban, ngành và địa phương thí điểm tổ chức thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn thí điểm đánh giá có trách nhiệm:

+ Xây dựng Kế hoạch tổ chức đánh giá và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

+ Thực hiện báo cáo kết quả hàng quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý) và báo cáo toàn bộ kết quả triển khai Bộ Tiêu chí riêng về Tổ Đánh giá trước ngày 15/01/2026.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị phối hợp với Sở Tư pháp (cơ quan Thường trực) và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định này.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn thí điểm, hướng dẫn lập dự toán kinh phí, tổng hợp tham mưu cơ quan

có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí xây dựng Bộ Tiêu chí và tổ chức đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL của các sở, ban, ngành, địa phương được lựa chọn làm thí điểm được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ RIÊNG ÁP DỤNG SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC PHẠM VI THÍ ĐIỂM
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Mục tiêu	Nội dung đánh giá	Cơ cấu điểm	Tài liệu kiểm chứng
1	Nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về PBGDPL			45	
1.1	Mức độ hoàn thành trách nhiệm lập, xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trong lĩnh vực thí điểm của các sở, ban, ngành.	Bảo đảm chất lượng lập, xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL thực chất, kịp thời, có trọng tâm trọng điểm, tập trung vào những vấn đề nóng được xã hội quan tâm, các đối tượng đặc thù thuộc phạm vi quản lý.	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 9 điểm.</i>	Kế hoạch công tác PBGDPL của Sở, ban, ngành, kết quả khảo sát, tổng hợp các thông tin, báo cáo khác có liên quan làm cơ sở xây dựng kế hoạch công tác, các văn bản chỉ đạo của cấp trên.
			1.1.1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch đáp ứng các yêu cầu sau: - Phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Hội đồng PBGDPL tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp trên. - Có sự nghiên cứu, nắm bắt về nhu cầu thông tin pháp luật trong lĩnh vực quản lý phù hợp với thực tiễn làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch.		
			1.1.2. Kế hoạch (nội dung có thể được thể hiện trong Kế hoạch công tác chung của đơn vị hoặc	1.1.2.1. <i>Xác định đối tượng ưu tiên thụ hưởng các hoạt động PBGDPL.</i> + Kế hoạch thể hiện đối tượng ưu tiên rõ ràng, cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ được giao: 1.5 điểm. + Kế hoạch thể hiện đối tượng ưu tiên nhưng chưa rõ ràng, cụ thể: 0.75 điểm. + Kế hoạch không xác định đối tượng: 0 điểm.	
		1.1.2.2. <i>Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm.</i> + Xác định những văn bản pháp luật và	1.5		

		<p>kế hoạch chuyên đề riêng) phải có đầy đủ những nội dung cơ bản sau:</p> <p>nội dung pháp luật trọng tâm đầy đủ, cụ thể phù hợp với nhiệm vụ: 1.5 điểm</p> <p>+ Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm nhưng chưa đầy đủ, cụ thể: 0.75 điểm.</p> <p>+ Không xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm: 0 điểm.</p>		
		<p>1.1.3. Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể.</p> <p>+ Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL rõ ràng, đầy đủ, cụ thể: 1.5 điểm.</p> <p>+ Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL nhưng chưa rõ ràng, đầy đủ, cụ thể: 0.75 điểm.</p> <p>+ Không xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL: 0 điểm.</p>	1.5	
		<p>1.1.4. Xác định nguồn nhân lực tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể.</p> <p>+ Xác định nguồn nhân lực đúng, đầy đủ và cụ thể: 1.5 điểm</p> <p>+ Xác định nguồn nhân lực đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa cụ thể: 0.75 điểm.</p> <p>+ Không xác định hoặc xác định không đúng: 0 điểm.</p>	1.5	

			<p>1.1.5. Xác định kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện hoạt động PBGDPL (nội dung này có thể được thể hiện ngay trong kế hoạch hoặc tại văn bản quy định nguồn kinh phí thực hiện).</p> <p>+ Xác định kinh phí: 1.5 điểm</p> <p>+ Không xác định kinh phí: 0 điểm</p>	1.5	
			<p>1.1.6. Xác định kết quả dự kiến đạt được đối với các hoạt động PBGDPL cụ thể (Ví dụ: Số lượng hội nghị và người tham gia và thời gian thực hiện; số tài liệu tuyên truyền được phát hành, số tin bài, chuyên trang, chuyên mục được đăng tải...)</p> <p>+ Xác định đúng, đầy đủ và cụ thể: 1.5 điểm</p> <p>+ Xác định đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa cụ thể: 0.75 điểm</p> <p>+ Không xác định hoặc xác định không đúng: 0 điểm</p>	1.5	
1.2.	Chất lượng triển khai thực hiện Kế hoạch công tác PBGDPL trong lĩnh vực thí điểm của các sở, ban, ngành	Bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch đã được phê duyệt.	<p><i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i></p> <p>1.2.1. Hướng dẫn, đôn đốc, xử lý các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện Kế hoạch.</p> <p>Tính điểm theo các mức độ sau:</p> <p>+ Thực hiện đầy đủ và kịp thời hoặc nếu không phát sinh vướng mắc cần hướng dẫn, đôn đốc, xử lý: 1.5 điểm</p> <p>+ Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời. 0.75 điểm</p> <p>+ Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng: 0 điểm</p> <p>1.2.2. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhận diện các cách</p>	Điểm tối đa là 8 điểm	
				1.5	Công văn hướng dẫn, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc
				1.5	Kế hoạch, kết luận kiểm tra, báo cáo sơ

			<p>làm hay, hiệu quả trong công tác PBGDPL về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>+ Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời: 1.5 điểm</p> <p>+ Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0.75 điểm</p> <p>+ Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng: 0 điểm</p>		<p>kết, tổng kết; công văn hướng dẫn thực hiện</p>
			<p>1.2.3. Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành theo Kế hoạch được phê duyệt</p> <p><i>Ghi chú:</i> Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100%: 5 điểm - Hoàn thành từ 90 đến dưới 100%: 3 điểm - Hoàn thành từ 70 đến dưới 90%: 2 điểm - Hoàn thành từ 50 đến dưới 70% : 1 điểm - Hoàn thành từ 40 đến dưới 50% : 0.5 điểm. - Hoàn thành dưới 40% không được tính điểm. <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhiệm vụ hoàn thành trên thực tế / số nhiệm vụ được phê duyệt trong kế hoạch) x 100%</p>	5	<p>Báo cáo, sản phẩm cụ thể của các nhiệm vụ theo Kế hoạch (tin, bài, tài liệu, chuyên mục trên báo chí, hội nghị được tổ chức...)</p>
1.3	Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm thuộc lĩnh vực thí điểm đã được phê duyệt	<p>Bảo đảm số lượng, chất lượng nhân lực của sở, ban, ngành đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác PBGDPL theo Kế hoạch.</p>	<p><i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i></p>	<i>Điểm tối đa là 7 điểm.</i>	<p>Báo cáo về thực trạng công chức làm công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật của đơn vị, triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được xác định trong Kế hoạch, Văn bản</p>
			<p>1.3.1. Tỷ lệ % tổng số nhân sự được bố trí trên thực tế để triển khai nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm so với tổng số nhân sự được xác định trong kế hoạch.</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 3.5 điểm - Đảm bảo từ 80% đến dưới 100% nhân sự thực hiện 	3.5	

			<p>nhiệm vụ: 2 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo từ 60% đến dưới 80% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 1 điểm - Đảm bảo từ 40% đến dưới 60% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 0.5 điểm - Đảm bảo dưới 40% = 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhân sự được bố trí thực tế / số nhân sự được phê duyệt trong kế hoạch) x 100%</p>		mời báo cáo viên...
			<p>1.3.2. Tỷ lệ % các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được bố trí đủ số lượng nhân sự theo kế hoạch được phê duyệt, trên tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch được phê duyệt.</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 3.5 điểm - Đảm bảo từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 2 điểm - Đảm bảo từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 1 điểm - Đảm bảo từ 40% đến dưới 60% nhiệm vụ được bố trí nhân sự : 0.5 điểm - Đảm bảo dưới 40% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhiệm vụ được triển khai trên thực tế đảm bảo đủ nhân sự / số nhiệm vụ được đảm bảo nhân theo kế hoạch) x 100%.</p>	3.5	

1.4	Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm thuộc lĩnh vực thí điểm đã được phê duyệt	Bảo đảm kinh phí phù hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động PBGDPL trọng tâm của sở, ban, ngành theo Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt và căn cứ vào quy định của pháp luật về ngân sách.	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 10 điểm</i>	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo, thống kê dự toán kinh phí được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí triển khai công tác PBGDPL của sở, ban, ngành.
			1.4.1. Tỷ lệ % tổng số kinh phí thực tế được bố trí trên tổng số kinh phí được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật. <i>Ghi chú:</i> Tính điểm theo các mức: - Bố trí kinh phí 100% : 5 điểm - Bố trí kinh phí từ 90 đến dưới 100% : 4 điểm - Bố trí kinh phí từ 70 đến dưới 90%: 3 điểm - Bố trí kinh phí từ 50 đến dưới 70% : 2 điểm - Bố trí kinh phí dưới 50% : 1 điểm. - Không bố trí kinh phí: 0 điểm. Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số kinh phí được bố trí thực tế/ số kinh phí được phê duyệt theo kế hoạch) x 100%.	5	
			1.4.2. Tỷ lệ % các nhiệm vụ thực tế được bố trí đầy đủ kinh phí trên tổng số nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch (cần được bố trí kinh phí). <i>Ghi chú:</i> Tính điểm theo các mức: - Nhiệm vụ được bố trí kinh phí 100% : 5 điểm - Nhiệm vụ được bố trí kinh phí từ 90 đến dưới 100%: 4 điểm - Nhiệm vụ được bố trí kinh phí từ 70 đến dưới 90% : 3 điểm - Nhiệm vụ được Bố trí kinh phí từ 50 đến dưới 70% : 2 điểm	5	

			<p>- Nhiệm vụ được Bố trí kinh phí dưới 50% : 1 điểm.</p> <p>- Nhiệm vụ không bố trí kinh phí: 0 điểm</p> <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhiệm vụ được bố trí thực tế/ số nhiệm vụ được xác định theo kế hoạch) x 100%.</p>		
1.5	Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL trong lĩnh vực được thí điểm	Tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 5 điểm.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc chính sách khuyến khích hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL được ban hành. - Báo cáo, số liệu thống kê kinh phí, nhân lực thu hút từ hoạt động xã hội hóa. - Tổng hợp kinh phí, nhân lực cho công tác PBGDPL được ngân sách nhà nước cấp
			1.5.1. Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc khuyến khích hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL, chú trọng huy động luật sư, luật gia, chuyên gia, nhà khoa học tham gia công tác PBGDPL	3	
			<p>- Có ban hành văn bản: 2 điểm.</p> <p>- Không ban hành văn bản: 0 điểm.</p>		
		1.5.2. Mức độ huy động kinh phí, nhân lực từ nguồn xã hội hóa cho công tác PBGDPL của Sở, ban, ngành:	<p>1.5.2.1. Mức độ huy động kinh phí:</p> <p>Tỷ lệ % kinh phí xã hội hóa huy động được trên thực tế so với dự kiến nguồn kinh phí huy động được xác định trong kế hoạch.</p> <p>- Tính điểm theo 5 mức:</p> <p>+ Đạt 100% : 1 điểm</p> <p>+ Từ 50% đến dưới 100%: 0.5 điểm</p> <p>+ Dưới 50%: 0 điểm</p> <p>- Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Kinh phí xã hội hóa huy động được trên thực tế/ dự kiến nguồn kinh phí huy động được xác định trong kế hoạch) x 100%</p>	1	

			<p>1.5.2.2 Mức độ huy động nhân lực: Tỷ lệ % nhân lực xã hội hóa huy động được trên thực tế so với dự kiến nguồn nhân lực cần có để triển khai Kế hoạch.</p> <p>- Tính điểm theo 5 mức: + Đạt 100% : 1 điểm + Từ 50% đến dưới 100%: 0.5 điểm + Dưới 50%: 0 điểm</p> <p>- Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Số lượng nhân lực huy động được từ nguồn xã hội hóa trên thực tế/ dự kiến nguồn nhân lực cần có để triển khai kế hoạch) x 100%</p>	1	
1.6	Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số công tác PBGDPL trong lĩnh vực được thí điểm.	Bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 6 điểm.</i>	
			<p>1.6.1. Việc xây dựng và vận hành Công/Trang Thông tin của đơn vị có thực hiện nhiệm vụ PBGDPL hoặc chuyên mục/ tiểu mục về PBGDPL thuộc Công/Trang thông tin của các sở, ban, ngành</p> <p>Tính điểm theo các mức: - Xây dựng và vận hành có hiệu quả: 2 điểm. - Xây dựng nhưng vận hành không hiệu quả: 1 điểm. Không xây dựng: 0 điểm.</p>	2	Địa chỉ Công/Trang Thông tin PBGDPL

		<p>1.6.2. Tính đầy đủ của thông tin trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL: Tính điểm theo các mức: - Đăng tải đầy đủ các thông tin pháp luật, thông tin PBGDPL; Đăng tải thông tin, nội dung phục vụ quản lý nhà nước về PBGDPL: 1.5 điểm - Đăng tải không đầy đủ: 0.75 điểm. - Không đăng tải: 0 điểm.</p>	1.5	<p>Báo cáo về thông tin trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL căn cứ quy định về nội dung tại Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021”.</p>
		<p>1.6.3. Tính cập nhật của các thông tin trên Cổng/Trang thông tin PBGDPL (tần suất cập nhật thông tin) Tính điểm theo các mức: - Cập nhật 03 lần/tuần: 1.5 điểm - Cập nhật 02 lần/tuần: 0.1 điểm - Cập nhật 01 lần/tuần: 0.5 điểm - Không cập nhật: 0 điểm</p>	1.5	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục thông tin và thời điểm đăng tải thông tin. - Đường link tin bài trên Trang/Công thông tin điện tử. - Tin bài trên Facebook, Zalo.
		<p>1.6.4. PBGDPL trên ứng dụng công nghệ khác (Facebook, Zalo) Tính điểm theo các mức: - Cập nhật 03 lần/tuần: 1 điểm - Cập nhật 02 lần/tuần: 0.75 điểm</p>	1	

			- Cập nhật 01 lần/tuần: 0.5 điểm - Không cập nhật: 0 điểm		
2	Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL của sở, ban, ngành trong lĩnh vực thí điểm			55	
2.1.	Mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL cụ thể thuộc lĩnh vực thí điểm	Đánh giá hiệu quả và tính phù hợp của hoạt động PBGDPL với nhu cầu PBGDPL và đặc điểm sinh hoạt của đối tượng thụ hưởng	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i> 2.1.1. Tỷ lệ % số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL so với số lượng dự kiến đạt được theo Kế hoạch - Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể: + Đạt 100%: 10 điểm. + Từ trên 80% đến dưới 100%: 8 điểm. + Từ trên 60% đến dưới 80%: 6 điểm. + Từ trên 40% đến dưới 50%: 4 điểm. + Từ trên 30% đến dưới 40%: 2 điểm. + Dưới 20%: 0 điểm. - Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính theo công thức sau: (Số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL trên thực tế/Số lượng người dự kiến đạt được theo Kế hoạch) x 100%	<i>Điểm tối đa là 25 điểm.</i>	
				10	- Báo cáo tình hình tổ chức hoạt động PBGDPL; tổng hợp kết quả khảo sát, điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo đánh giá có liên quan (nếu có). - Kết quả, mức độ quan tâm, theo dõi từ khán giả, thính giả, người dân đối với nội dung PBGDPL trên chương trình phát

			<p>2.1.2. Đánh giá của đối tượng thụ hưởng các hoạt động PBGDPL cụ thể về các nội dung sau:</p> <p>2.1.2.1. Thông tin pháp luật được cung cấp kịp thời và đầy đủ:</p> <p>Tính điểm theo các mức sau: (tính theo tỷ lệ số người hài lòng về việc thông tin pháp luật được cung cấp kịp thời và đầy đủ)</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% số người hài lòng: 8 điểm + Từ 80% đến dưới 100% số người hài lòng: 6 điểm + Từ 60% đến dưới 80% số người hài lòng: 4 điểm + Từ 50% đến dưới 60% số người hài lòng: 2 điểm + Từ 30% đến dưới 50% số người hài lòng: 1 điểm + Dưới 30% số người hài lòng: 0 điểm <p>Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính theo công thức sau: $(\text{Số người hài lòng} / \text{Số người được khảo sát}) \times 100\%$</p>	8	thanh, truyền hình, Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội...
			<p>2.1.2.2. Công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể. Tùy theo hình thức PBGDPL thực hiện có thể bao gồm các nhóm hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể phù hợp và thu hút đối tượng. Tùy theo hình thức PBGDPL thực hiện có thể bao gồm các nhóm hình thức sau: 	7	

			<ul style="list-style-type: none"> + Nhóm truyền thông (Hội nghị, hội thảo, tờ gấp, hệ thống loa phát thanh... + Nhóm hình thức khác (Mạng xã hội, Internet...) <p>Tính điểm theo các mức sau: (tính theo tỷ lệ số người hài lòng về việc công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể phù hợp và thu hút đối tượng)</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% số người hài lòng: 7 điểm + Từ 80% đến dưới 100% số người hài lòng: 6 điểm + Từ 60% đến dưới 80% số người hài lòng: 4 điểm + Từ 50% đến dưới 60% số người hài lòng: 3 điểm + Từ 30% đến dưới 50% số người hài lòng: 1 điểm + Dưới 30% số người hài lòng: 0 điểm <p>Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính theo công thức sau: (Số người hài lòng / Số người được khảo sát) x 100%</p>		
2.2.	Mức độ tác động của các hoạt động PBGDPL cụ thể	Đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu dự kiến đạt được trong Kế	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 15 điểm</i>	- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động PBGDPL.

		<p>hoạch triển khai nhiệm vụ PBGDPL đã được phê duyệt trên thực tế</p>	<p>Tỷ lệ % số lượng người có sự cải thiện về kiến thức pháp luật giữa thực tế và dự kiến đạt được theo Kế hoạch (số điểm được tính theo tỷ lệ %) - Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau: + Đạt 100%: 15 điểm + Từ trên 90% đến dưới 100%: 12 điểm + Từ trên 80% đến dưới 90%: 10 điểm + Từ trên 70% đến dưới 80%: 8 điểm + Từ trên 50% đến dưới 70%: 6 điểm + Từ trên 40% đến dưới 50%: 4 điểm + Từ trên 30% đến dưới 40%: 2 điểm + Dưới 20%: 0 điểm</p> <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Số lượng người có sự nâng cao về kiến thức pháp luật trên thực tế/Số lượng người dự kiến đạt được theo Kế hoạch) x 100%</p>	15	<p>- Điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo về tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực pháp luật PBGDPL có liên quan (Đánh giá qua báo cáo của cơ quan chức năng</p>
2.3	Mức độ lan toả của các hoạt động PBGDPL đối với đối tượng thụ hưởng	Đánh giá tính lan toả của hoạt động PBGPL từ đối tượng thụ hưởng này sang đối tượng thụ hưởng khác	<p><i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i></p>	<p><i>Điểm tối đa là 15 điểm</i> <i>(Cách tính điểm đối với tiêu chí 2.3 được hướng dẫn chi tiết tại Ghi chú</i></p>	<p>- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động PBGDPL. - Điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo về tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực pháp luật PBGDPL có liên quan (Đánh giá qua báo cáo của cơ</p>

				<i>kèm theo Phụ lục này)</i>	quan chức năng)
			<p>2.3.1. Sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL.</p> <p>Có thể xác định dựa trên: Tỷ lệ vi phạm trong lĩnh vực PBGDPL tại địa bàn tổ chức hoạt động giảm giữa thực tế và dự kiến đạt được theo Kế hoạch hoặc tỷ lệ % số lượng người thụ hưởng hoạt động PBGDPL có sự thay đổi trong hành vi tuân theo pháp luật</p> <p>- Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đạt 100%: 8 điểm + Từ trên 80% đến dưới 100%: 6 điểm + Từ trên 60% đến dưới 80%: 4 điểm + Từ trên 40% đến dưới 50%: 2 điểm + Từ trên 30% đến dưới 40%: 1 điểm + Dưới 20%: 0 điểm <p>- Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính dựa trên các tiêu chí về sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với lĩnh vực thuộc phạm vi thí điểm.</p>	8	
			<p>2.3.2. Sự thay đổi trong nhận thức, ý thức của đối tượng thụ hưởng thông qua hành vi của đối tượng thụ hưởng khác. Có thể xác định dựa trên: Tỷ lệ % số lượng người thụ hưởng hoạt động PBGDPL vận động những người xung quanh biết, hiểu và nâng cao kiến thức pháp luật.</p>	7	

			<p>- Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:</p> <p>+ Đạt 100%: 7 điểm</p> <p>+ Từ trên 80% đến dưới 100%: 6 điểm</p> <p>+ Từ trên 60% đến dưới 80%: 4 điểm</p> <p>+ Từ trên 40% đến dưới 50%: 2 điểm</p> <p>+ Từ trên 30% đến dưới 40%: 1 điểm</p> <p>+ Dưới 20%: 0 điểm</p> <p>- Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính dựa trên các tiêu chí về Sự thay đổi trong nhận thức, ý thức của đối tượng thụ hưởng thông qua hành vi của đối tượng thụ hưởng khác đối với lĩnh vực thuộc phạm vi thí điểm.</p>		
Tổng cộng				100	

Ghi chú:

- Đối với Ban Dân tộc tỉnh: Thực hiện việc thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về “Thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông”, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ đề cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.
- Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Thực hiện việc thí điểm tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực Lao động - Việc làm, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người lao động được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ đề cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.
- Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện việc đánh giá thí điểm trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Tỷ lệ hộ gia đình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi cán bộ, công chức, viên chức và người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ đề cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức, chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.

Phụ lục 2
TIÊU CHÍ RIÊNG ÁP DỤNG CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND tỉnh ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Mục tiêu	Nội dung đánh giá	Cơ cấu điểm	Tài liệu kiểm chứng	
1	Nhóm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm quản lý nhà nước về PBGDPL			45		
1.1	Mức độ hoàn thành trách nhiệm lập, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ PBGDPL theo lĩnh vực thí điểm của các đơn vị	Bảo đảm chất lượng lập, xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL thực chất, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề nóng được xã hội quan tâm, các đối tượng đặc thù trên địa bàn phù hợp với các nội dung trọng tâm.	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i> 1.1.1.Căn cứ xây dựng Kế hoạch đáp ứng các yêu cầu sau: - Phù hợp với Kế hoạch hoạt động PBGDPL của Hội đồng phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh và văn bản chỉ đạo của cấp trên; - Có sự nghiên cứu, nắm bắt về nhu cầu thông tin pháp luật trong lĩnh vực quản lý phù hợp với thực tiễn làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch.	<i>Điểm tối đa là 9 điểm</i>	Kế hoạch công tác PBGDPL của huyện; kết quả khảo sát, tổng hợp các thông tin, báo cáo khác có liên quan làm cơ sở xây dựng kế hoạch công tác; các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của cấp trên.	
			1.1.2. Kế hoạch (nội dung có thể được thể hiện trong Kế hoạch công tác hoặc Kế hoạch triển khai	1.1.2.1.Xác định đối tượng cần được ưu tiên thụ hưởng các hoạt động PBGDPL. Tính điểm theo các mức: - Kế hoạch thể hiện đầy đủ và chính xác đối tượng ưu tiên cụ thể: 1,5 điểm - Kế hoạch có đối tượng nhưng chưa cụ thể đối tượng ưu tiên: 0,75 điểm - Kế hoạch không xác định đối tượng: 0 điểm		1.5
				1.1.2.2. Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm. Tính điểm theo các mức: - Xác định đúng, đầy đủ và cụ thể: 1,5 điểm - Xác định đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa cụ thể:		1.5

			lĩnh vực cụ thể của đơn vị) phải có đầy đủ những nội dung sau:	0,75 điểm - Không xác định hoặc xác định không đúng: 0 điểm		
				1.1.2.3. Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể đối với từng nội dung. Tính điểm theo các mức: - Xác định cách thức và hình thức rõ ràng, đầy đủ, cụ thể và phù hợp đối với từng nội dung: 1,5 điểm - Xác định cách thức và hình thức nhưng chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa cụ thể, chưa phù hợp đối với từng nội dung: 0,75 điểm - Không xác định cách thức và hình thức: 0 điểm	1.5	
				1.1.2.4. Xác định nguồn nhân lực tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể. Tính điểm theo các mức: - Xác định đúng, đầy đủ và cụ thể: 1,5 điểm - Xác định đúng nhưng chưa đầy đủ và chưa cụ thể: 0,75 điểm - Không xác định hoặc xác định không đúng: 0 điểm	1.5	
				1.1.2.5. Xác định kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện đối với từng hoạt động PBGDPL (nội dung có thể được thể hiện trong Kế hoạch hoặc tại văn bản quy định nguồn kinh phí thực hiện) Tính điểm theo các mức: - Xác định cụ thể kinh phí: 1.5 điểm - Không xác định kinh phí: 0 điểm	1.5	

				<p>1.1.2.6. Xác định kết quả dự kiến đạt được đối với các hoạt động PBGDPL cụ thể (Ví dụ: Số lượng hội nghị và người tham gia và thời gian thực hiện; số tài liệu tuyên truyền được phát hành, số tin bài, chuyên trang, chuyên mục được đăng tải...)</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng, đầy đủ và cụ thể: 1.5 điểm - Xác định đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa cụ thể: 0.75 điểm - Không xác định hoặc xác định không đúng: 0 điểm 	1.5	
1.2	Mức độ hoàn thành trách nhiệm của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện trong công tác PBGDPL đối với lĩnh vực được lựa chọn thí điểm	Phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện.	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>		<i>Điểm tối đa là 8 điểm.</i>	Văn bản hướng dẫn, đơn đốc. Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng cấp huyện; kết luận kiểm tra.
			1.2.1.Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện	1.2.1.1.Hướng dẫn, đơn đốc việc thực hiện Kế hoạch Tính điểm theo các mức: - Thực hiện đầy đủ và kịp thời hoặc nếu không phát sinh vướng mắc cần hướng dẫn, đơn đốc, xử lý: 1 điểm - Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0.5 điểm - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng: 0 điểm	1	
			hàng năm và các nhiệm vụ trọng tâm trên địa bàn	1.1.2.2.Tổ chức sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhận diện các cách làm hay, hiệu quả trong công tác PBGDPL Tính điểm theo các mức: - Thực hiện đầy đủ và kịp thời hoặc nếu	1	

			<p>không phát sinh vướng mắc cần hướng dẫn, đôn đốc, xử lý: 1 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0.5 điểm - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng: 0 điểm 		
			<p>1.1.2.3. Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành theo Kế hoạch được phê duyệt</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100%: 3 điểm - Từ 80% đến dưới 100%: 2 điểm - Từ 50% đến dưới 80%: 1 điểm - Dưới 50%: 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức (số nhiệm vụ hoàn thành trên thực tế / số nhiệm vụ được quy định trong Kế hoạch) x 100%</p>	3	
			<p>1.2.2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch do Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh hoặc do Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện giao.</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đột xuất hoặc nếu không phát sinh nhiệm vụ đột xuất: 1.5 điểm. - Hoàn thành chưa đầy đủ nhiệm vụ đột xuất: 1 điểm. - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ đột xuất: 0 điểm 	1.5	

			<p>1.2.3. Mức độ hoàn thành việc tổ chức các Đoàn kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện hoặc các thành viên Hội đồng.</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đầy đủ: 1.5 điểm - Hoàn thành chưa đầy đủ: 1 điểm - Không hoàn thành: 0 điểm 	1.5	
1.3	Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch (nội dung có thể được thể hiện trong Kế hoạch công tác chung của đơn vị hoặc Kế hoạch triển khai lĩnh vực) đã được phê	Bảo đảm số lượng, chất lượng nhân lực của địa phương đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác PBGDPL.	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 6 điểm</i>	Bảo cáo về thực trạng công chức làm công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn huyện triển khai các nhiệm vụ PBGDPL, các văn mời, cử báo cáo viên.
			<p>1.3.1. Tỷ lệ % số lượng nhân sự được bố trí trên thực tế để triển khai nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm so với tổng số lượng nhân sự được xác định trong kế hoạch.</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 3 điểm - Đảm bảo từ 80% đến dưới 100% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 2 điểm - Đảm bảo từ 60% đến dưới 80% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 1 điểm - Đảm bảo từ 40% đến dưới 60% nhân sự thực hiện nhiệm vụ: 0.5 điểm - Đảm bảo dưới 40% = 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhân sự được bố trí thực tế / số nhân sự được phê duyệt trong kế hoạch) x 100%</p>	3	

	duyệt trong lĩnh vực thí điểm		<p>1.3.2. Tỷ lệ % các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được bố trí đủ số lượng nhân sự theo kế hoạch được phê duyệt, trên tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch được phê duyệt.</p> <p>Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 3 điểm - Đảm bảo từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 2 điểm - Đảm bảo từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 1 điểm - Đảm bảo từ 40% đến dưới 60% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 0.5 điểm - Đảm bảo dưới 40% nhiệm vụ được bố trí nhân sự: 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhiệm vụ được triển khai trên thực tế đảm bảo đủ nhân sự / số nhiệm vụ được đảm bảo nhân theo kế hoạch) x 100%.</p>	3	
1.4	Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL thuộc lĩnh vực thí điểm theo Kế hoạch (nội dung có thể được thể hiện trong Kế hoạch công tác chung của đơn vị hoặc kế	Bảo đảm kinh phí phù hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động PBGDPL trên địa bàn huyện theo Kế hoạch và căn cứ vào quy định của pháp luật về ngân sách	<p><i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i></p> <p>1.4.1. Tỷ lệ % các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt được bố trí kinh phí riêng với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% các hoạt động được bố trí kinh phí riêng với đúng mức chi, nội dung chi: 2 điểm + Từ 80% đến dưới 100% các hoạt động được bố trí kinh phí riêng với đúng mức chi, nội dung chi: 1.5 điểm + Từ 50% đến dưới 80%: 1 điểm + Từ 30% đến dưới 50%: 0.5 điểm + Dưới 30% hoặc các hoạt động được bố trí không đúng mức 	<p><i>Điểm tối đa là 10 điểm.</i></p> <p>2</p>	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo, thống kê dự toán kinh phí được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí triển khai công tác PBGDPL của địa phương.

<p>hoạch triển khai lĩnh vực) đã được phê duyệt.</p>		<p>chi, nội dung chi: 0 điểm</p> <p>- Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Số hoạt động được bố trí kinh phí riêng trên thực tế/Số hoạt động được bố trí kinh phí riêng xác định trong Kế hoạch) x 100%.</p>			
		<p>1.4.2. Tỷ lệ % tổng số kinh phí thực tế được bố trí trên tổng số kinh phí được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật.</p> <p>Ghi chú: Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố trí kinh phí 100% = 4 điểm - Bố trí kinh phí từ 80% đến dưới 100% = 3 điểm - Bố trí kinh phí từ 50% đến dưới 80% = 2 điểm - Bố trí kinh phí dưới 50% = 1 điểm. - Không bố trí kinh phí = 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số kinh phí được bố trí thực tế/ số kinh phí được phê duyệt theo kế hoạch) x 100%.</p>		4	
		<p>1.4.3. Tỷ lệ % các nhiệm vụ thực tế được bố trí đầy đủ kinh phí trên tổng số nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch (cần được bố trí kinh phí).</p> <p><i>Ghi chú:</i> Tính điểm theo các mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% Nhiệm vụ được bố trí kinh phí đầy đủ: 4 điểm - Từ 80% đến dưới 100% Nhiệm vụ được bố trí kinh phí đầy đủ: 3 điểm - Từ 50% đến dưới 80% Nhiệm vụ được bố trí kinh phí đầy đủ: 2 điểm - Dưới 50%: Nhiệm vụ được Bố trí kinh phí đầy đủ 1 điểm - Không có nhiệm vụ được bố trí kinh phí đầy đủ: 0 điểm <p>Tỷ lệ % được tính theo công thức: (số nhiệm vụ được bố trí thực tế/ số nhiệm vụ được xác định theo kế hoạch) x 100%.</p>		4	

1.5	Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL đối với lĩnh vực được lựa chọn thí điểm	Tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>		<i>Điểm tối đa là 3 điểm.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc khuyến khích hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL được ban hành. - Báo cáo, số liệu thống kê kinh phí, nhân lực được huy động từ hoạt động xã hội hóa. - Tổng hợp kinh phí, nhân lực được huy động cho công tác PBGDPL.
			1.5.1. Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc khuyến khích hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL, chú trọng huy động luật sư, luật gia, chuyên gia, nhà khoa học tham gia công tác PBGDPL về trợ giúp pháp lý. Tính điểm theo các mức: - Có ban hành văn bản: 1 điểm - Không ban hành văn bản: 0 điểm		1	
			1.5.2.	1.5.2.1. Tỷ lệ % kinh phí xã hội hóa huy động được trên thực tế so với dự kiến nguồn kinh phí huy động được xác định trong kế hoạch. - Tính điểm theo 5 mức: + Đạt 100% : 1 điểm + Từ 50% đến dưới 100%: 0.5 điểm + Dưới 50%: 0 điểm - Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Kinh phí xã hội hóa huy động được trên thực tế/ dự kiến nguồn kinh phí huy động được xác định trong kế hoạch) x 100%	1	
			bàn	1.5.2.2. Tỷ lệ % nhân lực xã hội hóa huy động được trên thực tế so với dự kiến nguồn nhân lực cần có để triển khai Kế hoạch. - Tính điểm theo 5 mức: + Đạt 100% : 1 điểm + Từ 50% đến dưới 100%: 0.5 điểm + Dưới 50%: 0 điểm - Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Số lượng	1	

				nhân lực huy động được từ nguồn xã hội hóa trên thực tế/ dự kiến nguồn nhân lực cần có để triển khai kế hoạch) x 100%		
1.6	Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL về về lĩnh vực được thi điểm	Bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số công tác PBGDPL.	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>		<i>Điểm tối đa là 6 điểm.</i>	
			1.6.1. Việc xây dựng và vận hành Cổng/Trang Thông tin điện tử hoặc chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL thuộc Cổng/Trang thông tin điện tử của cấp huyện. Tính điểm theo các mức: - Xây dựng và vận hành có hiệu quả: 2 điểm. - Xây dựng nhưng vận hành không hiệu quả: 1 điểm. - Không xây dựng: 0 điểm.	2	Địa chỉ Cổng/Trang thông tin hoặc Tên Chuyên mục/Tiểu mục thuộc Cổng/Trang thông tin	
			1.6.2. Tính đầy đủ thông tin PBGDPL trong chuyên mục, tiêu mục về PBGDPL trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị Tính điểm theo các mức: - Đăng tải đầy đủ các thông tin pháp luật, thông tin PBGDPL; Đăng tải thông tin, nội dung phục vụ quản lý nhà nước về PBGDPL: 1.5 điểm - Đăng tải không đầy đủ: 0.75 điểm. - Không đăng tải: 0 điểm.	1.5	- Báo cáo về thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử căn cứ quy định về nội dung tại Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg - Danh mục thông tin và thời điểm đăng tải thông tin.	
1.6.3. Tính cập nhật của các thông tin trên Cổng/Trang thông tin PBGDPL (tần suất cập nhật thông tin) Tính điểm theo các mức: - Cập nhật 03 lần/tuần: 1.5 điểm - Cập nhật 02 lần/tuần: 0.1 điểm - Cập nhật 01 lần/tuần: 0.5 điểm - Không cập nhật: 0 điểm	1.5	- Đường link tin bài trên Trang/Cổng thông tin điện tử				

			1.6.4. PBGDPL trên ứng dụng công nghệ khác (Facebook, Zalo) Tính điểm theo các mức: - Cập nhật 03 lần/tuần: 1 điểm - Cập nhật 02 lần/tuần: 0.75 điểm - Cập nhật 01 lần/tuần: 0.5 điểm - Không cập nhật: 0 điểm	1	
1.7	Mức độ hoàn thành trách nhiệm về xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL về lĩnh vực được thí điểm	Nâng cao hiệu quả xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL trên địa bàn huyện	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 3 điểm.</i>	- Tài liệu ra mắt mô hình, Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL - Báo cáo, kết luận kiểm tra
			1.7.1. Có mô hình và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL Ghi chú: Tính điểm theo tiêu chí sau - Có mô hình và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng mô hình: 2 điểm - Có mô hình nhưng không có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng mô hình: 1 điểm - Không xây dựng mô hình: 0 điểm	2	
			1.7.2. Định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá chất lượng các mô hình, cách làm hiệu quả Tính điểm theo các mức: - Tiến hành kiểm tra: 1 điểm. - Không tiến hành kiểm tra: 0 điểm	1	
2	Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của hoạt động PBGDPL về trợ giúp pháp lý của địa phương			55	
2.1	Mức độ đánh giá của đối tượng thụ	Đánh giá hiệu quả và tính phù hợp của hoạt động	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	<i>Điểm tối đa là 25 điểm.</i>	- Báo cáo tình hình tổ chức hoạt động PBGDPL; khảo sát,

hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL đối với lĩnh vực thí điểm	PBGDPL với nhu cầu PBGDPL và đặc điểm sinh hoạt của đối tượng thụ hưởng	<p>2.1.1. Tỷ lệ % số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL so với số lượng dự kiến đạt được theo Kế hoạch (số điểm được tính theo tỷ lệ %)</p> <p>- Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:</p> <p>+ Đạt 100%: 10 điểm</p> <p>+ Từ trên 80% đến dưới 100%: 8 điểm</p> <p>+ Từ trên 60% đến dưới 80%: 6 điểm</p> <p>+ Từ trên 40% đến dưới 50%: 4 điểm</p> <p>+ Từ trên 30% đến dưới 40%: 2 điểm</p> <p>+ Dưới 20%: 0 điểm</p> <p>- Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính theo công thức sau: (Số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL trên thực tế/Số lượng người dự kiến đạt được theo Kế hoạch) x 100%</p>		10	<p>điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo đánh giá có liên quan (nếu có).</p> <p>- Kết quả, mức độ quan tâm, theo dõi từ người dân đối với nội dung PBGDPL trên chương trình phát thanh, truyền hình, Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội...</p>
		<p>2.1.2. Đánh giá của đối tượng thụ hưởng các hoạt động PBGDPL cụ thể về các nội dung sau:</p>	<p>2.1.2.1. Thông tin pháp luật được cung cấp kịp thời và đầy đủ.</p> <p>- Tính điểm theo các mức sau: <i>(tính theo tỷ lệ số người hài lòng về việc thông tin pháp luật được cung cấp kịp thời và đầy đủ)</i></p> <p>+ 100% số người hài lòng: 8 điểm</p> <p>+ Từ 80% đến dưới 100% số người hài lòng: 6 điểm</p> <p>+ Từ 60% đến dưới 80% số người hài lòng: 4 điểm</p> <p>+ Từ 50% đến dưới 60% số người hài lòng: 2 điểm</p> <p>+ Từ 30% đến dưới 50% số người hài lòng: 1 điểm</p> <p>+ Dưới 30% số người hài lòng: 0 điểm</p>	8	

			<p>- Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính theo công thức sau: $(\text{Số người hài lòng} / \text{Số người được khảo sát}) \times 100\%$</p>		
			<p>2.1.2.2. Công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể phù hợp và thu hút đối tượng. Tùy theo hình thức PBGDPL thực hiện có thể bao gồm các nhóm hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm truyền thông (Hội nghị, hội thảo, tờ gấp, hệ thống loa phát thanh... + Nhóm hình thức khác (Mạng xã hội, Internet...) <p>- Tính điểm theo các mức sau: <i>(tính theo tỷ lệ số người hài lòng về việc công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể phù hợp và thu hút đối tượng)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% số người hài lòng: 7 điểm + Từ 80% đến dưới 100% số người hài lòng: 6 điểm + Từ 60% đến dưới 80% số người hài lòng: 4 điểm + Từ 50% đến dưới 60% số người hài lòng: 3 điểm + Từ 30% đến dưới 50% số người hài lòng: 1 điểm + Dưới 30% số người hài lòng: 0 điểm <p>- Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính theo công thức sau: $(\text{Số người hài lòng} / \text{Số người được khảo sát}) \times 100\%$</p>	7	

2.2	Mức độ tác động của các hoạt động PBGDPL đối với lĩnh vực thí điểm	Đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu dự kiến đạt được trong Kế hoạch triển khai nhiệm vụ PBGDPL thuộc lĩnh vực thí điểm đã được phê duyệt trên thực tế	<p><i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i></p> <p>Tỷ lệ % số lượng người có sự cải thiện về kiến thức pháp luật giữa thực tế và dự kiến đạt được theo Kế hoạch (số điểm được tính theo tỷ lệ %)</p> <p>- Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:</p> <p>+ Đạt 100%: 15 điểm + Từ trên 90% đến dưới 100%: 12 điểm + Từ trên 80% đến dưới 90%: 10 điểm + Từ trên 70% đến dưới 80%: 8 điểm + Từ trên 50% đến dưới 70%: 6 điểm + Từ trên 40% đến dưới 50%: 4 điểm + Từ trên 30% đến dưới 40%: 2 điểm + Dưới 20%: 0 điểm</p> <p>- Tỷ lệ % được tính theo công thức sau: (Số lượng người có sự nâng cao về kiến thức pháp luật trên thực tế/Số lượng người dự kiến đạt được theo Kế hoạch) x 100%</p>	<p><i>Điểm tối đa là 15 điểm.</i></p> <p>15</p>	<p>- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động PBGDPL.</p> <p>- Điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo về tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực pháp luật PBGDPL có liên quan (Đánh giá qua báo cáo của cơ quan chức năng)</p>
2.3.	Mức độ lan toả của các hoạt động PBGDPL đối với đối tượng thụ hưởng	Đánh giá tính lan toả của hoạt động PBGPL từ đối tượng thụ hưởng này sang đối tượng thụ hưởng khác	<p><i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i></p>	<p><i>Điểm tối đa là 15 điểm</i></p> <p><i>(Cách tính điểm đối với tiêu chí 2.3 được hướng dẫn chi tiết tại Ghi chú</i></p>	<p>- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động PBGDPL.</p> <p>- Điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo về tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực pháp luật PBGDPL có liên quan (Đánh giá</p>

				<i>kèm theo Phụ lục này)</i>	qua báo cáo của cơ quan chức năng)
			<p>2.3.1. Sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL.</p> <p>Có thể xác định dựa trên: Tỷ lệ vi phạm trong lĩnh vực PBGDPL tại địa bàn tổ chức hoạt động giảm giữa thực tế và dự kiến đạt được theo Kế hoạch hoặc tỷ lệ % số lượng người thụ hưởng hoạt động PBGDPL có sự thay đổi trong hành vi tuân theo pháp luật</p> <p>- Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:</p> <p>+ Đạt 100%: 8 điểm</p> <p>+ Từ trên 80% đến dưới 100%: 6 điểm</p> <p>+ Từ trên 60% đến dưới 80%: 4 điểm</p> <p>+ Từ trên 40% đến dưới 50%: 2 điểm</p> <p>+ Từ trên 30% đến dưới 40%: 1 điểm</p> <p>+ Dưới 20%: 0 điểm</p> <p>- Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính dựa trên các tiêu chí về sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với lĩnh vực thuộc phạm vi thí điểm.</p>	8	
			<p>2.3.2. Sự thay đổi trong nhận thức, ý thức của đối tượng thụ hưởng thông qua hành vi của đối tượng thụ hưởng khác. Có thể xác định dựa trên: Tỷ lệ % số lượng người thụ hưởng hoạt động PBGDPL vận động những người xung quanh biết, hiểu và nâng cao kiến thức pháp luật.</p> <p>- Số điểm được tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:</p> <p>+ Đạt 100%: 7 điểm</p> <p>+ Từ trên 80% đến dưới 100%: 6 điểm</p> <p>+ Từ trên 60% đến dưới 80%: 4 điểm</p>	7	

			+ Từ trên 40% đến dưới 50%: 2 điểm + Từ trên 30% đến dưới 40%: 1 điểm + Dưới 20%: 0 điểm - Điểm tính theo tỷ lệ số phiếu khảo sát và được tính dựa trên các tiêu chí về Sự thay đổi trong nhận thức, ý thức của đối tượng thụ hưởng thông qua hành vi của đối tượng thụ hưởng khác đối với lĩnh vực thuộc phạm vi thí điểm.		
Tổng cộng				100	

Ghi chú:

- Đối với huyện Mường Lát: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.
- Đối với huyện Thạch Thành: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực Hôn nhân và gia đình, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.
- Đối với thành phố Thanh Hóa: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực phòng chống ma túy, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức, tham gia phòng chống tội phạm.
- Đối với huyện Lang Chánh: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực Hộ tịch, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.
- Đối với huyện Yên Định: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực Pháp luật học đường, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi đối tượng được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.

6. Đối với huyện Hậu Lộc: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.

7. Đối với thị xã Nghi Sơn: Thực hiện việc thí điểm đánh giá thuộc lĩnh vực An ninh trật tự, nên tiêu chí 2.3 đối với nội dung "sự thay đổi trong việc chấp hành pháp luật đối với nội dung pháp luật được PBGDPL" được xác định sau khi người dân được PBGDPL các nội dung thuộc lĩnh vực này thì có sự thay đổi như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và người thụ hưởng đã tương tác thế nào để hỗ trợ để cộng đồng có sự thay đổi trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực đó.